

Perceptions about career adaptation of Social work students at Quy Nhon University

Phan Thi Kim Dung*

Faculty of Social Sciences and Humanities, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 28/04/2023; Revised: 29/05/2023; Accepted: 05/06/2023; Published: 28/08/2023

ABSTRACT

Based on the survey results of 95 students of Social work major at Quy Nhon University, the article shows that the majority of students majoring in Social work have correct and complete awareness of career adaptation (including the importance of career adaptation, the concept of career adaptation, characteristics of career adaptation, manifestation of career adaptation, reasons for students not to adapt to careers). However, research evidence also shows that some students have vague and incorrect perceptions about job adaptation, mainly in the expressions of professional mood, knowledge content, professional skills, and learning methods.

Keywords: *Career adaptation, student, social work.*

*Corresponding author:

Email: phanthikimdung@qnu.edu.vn

Nhận thức của sinh viên ngành Công tác xã hội Trường Đại học Quy Nhơn về thích ứng nghề nghiệp

Phan Thị Kim Dung*

Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 28/04/2023; Ngày sửa bài: 29/05/2023; Ngày nhận đăng: 05/06/2023;

Ngày xuất bản: 28/08/2023

TÓM TẮT

Dựa vào kết quả khảo sát 95 sinh viên ngành Công tác xã hội, Trường Đại học Quy Nhơn từ đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Trường “Thích ứng nghề nghiệp của sinh viên Công tác xã hội, Trường Đại học Quy Nhơn” năm 2023, bài viết cho thấy phần lớn sinh viên ngành Công tác xã hội có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về thích ứng nghề nghiệp (bao gồm tầm quan trọng của thích ứng nghề nghiệp, khái niệm thích ứng nghề nghiệp, đặc điểm của thích ứng nghề nghiệp, biểu hiện của thích ứng nghề nghiệp, nguyên nhân sinh viên chưa thích ứng nghề nghiệp). Tuy nhiên, bằng chứng nghiên cứu cũng chỉ ra rằng một số sinh viên nhận thức còn mơ hồ, chưa đúng đắn về thích ứng nghề nghiệp, chủ yếu ở các biểu hiện về tâm thế nghề nghiệp, nội dung kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phương pháp học tập.

Từ khóa: Thích ứng nghề nghiệp, sinh viên, công tác xã hội.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Nguyễn Thị Hoa, khái niệm thích ứng nghề nghiệp (TUNN) “là quá trình cá nhân tìm hiểu về nghề và các yêu cầu của nghề, hình thành những năng lực và phẩm chất nhân cách cần thiết cho nghề, “thâm nhập” nghề nghiệp và nhân cách vào hoạt động lao động nhằm hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách phù hợp với nghề được đào tạo”.¹ Nghiên cứu của các tác giả Đỗ Thị Kim Dung và Nguyễn Thị Thuận cho rằng “TUNN là quá trình con người nhận thức và hành động một cách chủ động, tích cực nhằm làm quen, tiếp nhận các yếu tố, đặc điểm và điều kiện lao động của môi trường nghề nghiệp, điều chỉnh cảm xúc, lĩnh hội kinh nghiệm và phương thức hành vi mới, nỗ lực khắc phục khó khăn nhằm giải quyết thành công những vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động nghề nghiệp”.² Ở

một nghiên cứu khác, các tác giả Nguyễn Văn Quang và Trần Chí Vĩnh Long chỉ ra rằng, quá trình TUNN bắt đầu diễn ra trong trường phổ thông, sau đó tiếp tục trong quá trình đào tạo nghề và cuối cùng là quá trình hoạt động nghề nghiệp. Trong ba giai đoạn này, giai đoạn thích ứng trong quá trình đào tạo được xem là giai đoạn đào tạo nghề, hình thành và điều chỉnh định hướng nghề nghiệp, phát triển kỹ năng, kỹ xảo nghề, phẩm chất nhân cách đối với nghề, hình thành và phát triển tự ý thức nghề nghiệp.³ Chính vì vậy, ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, người học phải có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về TUNN là rất quan trọng. Với sinh viên (SV) ngành Công tác xã hội (CTXH) của Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN), việc nhận thức đúng đắn và đầy đủ về TUNN sẽ giúp SV bắt nhịp với môi trường học tập mới, nhanh chóng thích ứng với việc học tập,

*Tác giả liên hệ.

Email: phanthikimdung@qnu.edu.vn

rèn luyện để phát triển các năng lực, phẩm chất của nhân viên CTXH chuyên nghiệp. Có mối liên hệ giữa thành công trong học tập của người học khi còn ngồi trên ghế nhà trường với nhận thức về TUNN của họ. Mức độ TUNN nhanh hay chậm, thích ứng tốt hay khó khăn của người học là phụ thuộc vào nhận thức của họ trong suốt quá trình học tập ở Nhà trường. Thông thường những SV có nhận thức một cách đúng đắn và đầy đủ về tâm thế nghề nghiệp, có nhận thức ở mức cao về nội dung học tập, về phương pháp học tập, về kỹ năng nghề nghiệp, về đạo đức nghề nghiệp, về điều kiện dạy và học ở Nhà trường, về các mối quan hệ xã hội, về tham gia các sinh hoạt đoàn, hội, câu lạc bộ..., các hoạt động thực hành, thực tập nghề nghiệp...có khả năng đạt kết quả cao và ít gặp khó khăn trong học tập và ngược lại.

Ngành CTXH của Trường ĐHQN đã có lịch sử đào tạo gần 20 năm (từ năm 2005 đến nay) với 14 khóa SV đã tốt nghiệp góp phần phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực CTXH cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Tính đến năm 2022, đã có hơn 600 SV tốt nghiệp ngành CTXH và tỷ lệ SV có việc làm sau khi ra trường trong các lĩnh vực từ Nhà nước đến tư nhân, các tổ chức phi chính phủ hàng năm luôn ở mức cao. Có được kết quả này phần lớn là do bản thân SV có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về TUNN ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường và có những biện pháp TUNN phù hợp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn một số SV CTXH chưa quan tâm đến TUNN, nhận thức chưa đúng đắn, đầy đủ về TUNN, chưa tích cực, chủ động TUNN, và kết quả là SV gặp nhiều khó khăn trong suốt quá trình học tập ở nhà trường cũng như trong tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Hơn nữa, yêu cầu về chất lượng thị trường lao động hiện có nhiều thay đổi, đòi hỏi SV sau khi tốt nghiệp ngành CTXH phải đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mới có thể thành công. Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu nhận thức của SV CTXH Trường ĐHQN về TUNN càng trở nên cấp thiết nhằm đưa ra một số giải pháp giúp SV tăng khả năng nhận thức về TUNN để học tập hiệu quả hơn và có cơ hội

nghề nghiệp trong tương lai. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của đề tài cũng là minh chứng xác đáng để Nhà trường cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo (CTĐT) ngành CTXH.

2. CÂU HỎI, PHƯƠNG PHÁP VÀ GIỚI HẠN NGHIÊN CỨU

Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là SV ngành CTXH Trường ĐHQN nhận thức như thế nào về TUNN?

Nghiên cứu tiến hành thu thập thông tin định lượng bằng cách sử dụng phiếu khảo sát với 95 SV ngành CTXH Trường ĐHQN. Bảng hỏi bao gồm 38 câu hỏi với nội dung được chia làm 5 phần: phần 1 có 9 câu hỏi về đặc điểm nhân khẩu - xã hội của SV dùng để mô tả đặc điểm SV CTXH, đồng thời cũng là những phân tổ chính khi xử lý thông tin định lượng; phần 2 có 27 câu hỏi về TUNN của SV dùng để mô tả nhận thức về tầm quan trọng của TUNN, đặc điểm của TUNN, biểu hiện của TUNN, nguyên nhân SV chưa TUNN, đồng thời cũng là những phân tổ chính khi xử lý thông tin định lượng. Toàn bộ phiếu điều tra được tổng hợp, làm sạch, mã hóa và được nhập bằng phần mềm SPSS phiên bản 21.0 nhằm xử lý các thông tin thu được, đồng thời kiểm định tính khách quan, độ tin cậy của các kết quả nghiên cứu. Bài viết sử dụng thang đo Likert 5 lựa chọn trong bảng khảo sát. Khi đó: Giá trị khoảng cách = (Maximum – Minimum) / n = (5-1)/5 = 0.8. Từ đó suy ra các mức độ gồm:

1.00 - 1.80: Rất không đồng ý/ Rất không hài lòng/ Rất không quan trọng/ Rất thấp

1.81 - 2.60: Không đồng ý/ Không hài lòng/ Không quan trọng/ Thấp

2.61 - 3.40: Không ý kiến/ Trung bình

3.41 - 4.20: Đồng ý/ Hài lòng/ Quan trọng/ Cao

4.21 - 5.00: Rất đồng ý/ Rất hài lòng/ Rất quan trọng/ Rất cao

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng tiến hành thu thập thông tin định tính bằng phương pháp phỏng vấn sâu bán cấu trúc với 15 cuộc phỏng vấn sâu (trong đó phỏng vấn SV là 10 người,

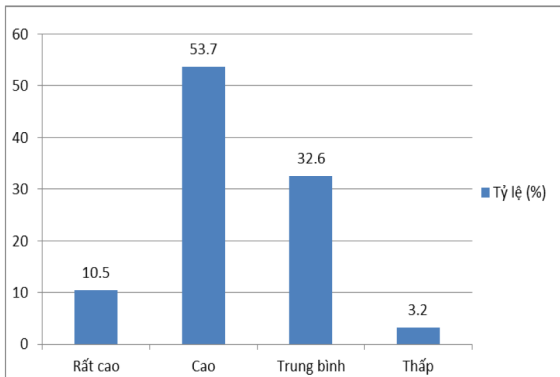
phòng vẫn giảng viên là 5 người) và phương pháp thảo luận nhóm tập trung, tổng cộng có 4 nhóm SV (nhóm K42, nhóm K43, nhóm K44, nhóm K45); mỗi nhóm có 8 - 10 người tham gia. Bài viết sử dụng phương pháp quan sát tìm hiểu một số thông tin để bổ sung thêm những nhận định ban đầu về nghiên cứu. Toàn bộ thông tin từ phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm tập trung được phân loại, chọn lọc dưới dạng trích dẫn để dẫn giải và phân tích vấn đề.

Bài viết tập trung phân tích thực trạng nhận thức của SV CTXH, Trường ĐHQN về TUNN ở các lĩnh vực: (1) tầm quan trọng của TUNN; (2) khái niệm TUNN; (3) đặc điểm của TUNN; (4) biểu hiện của TUNN; và (5) nguyên nhân SV chưa TUNN.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhận thức của SV CTXH Trường ĐHQN về tầm quan trọng của TUNN

Nhận thức của SV CTXH về tầm quan trọng của TUNN được thể hiện qua các tiêu chí như: SV tự đánh giá khả năng TUNN của bản thân và SV quan tâm đến ngành học hiện tại.



Biểu đồ 1. Đánh giá khả năng TUNN của SV.

Kết quả nghiên cứu từ biểu đồ 1 cho thấy hơn một nửa số SV CTXH tham gia khảo sát đánh giá khả năng TUNN của bản thân ở mức cao (chiếm đến 53,7%) và ở mức rất cao (chiếm 10,5%); điểm trung bình tìm được là 3.66 tương ứng ở mức “đồng ý” trong thang đo Liker) càng có cơ sở để nhận định rằng mức độ nhận thức của SV ngành CTXH về khả năng TUNN của bản thân là ở mức cao. Tuy đây chỉ là mức độ tự

đánh giá, tự nhìn nhận của SV nhưng cho thấy SV khá tự tin vào khả năng TUNN của mình. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy một tỷ lệ không nhỏ SV tự đánh giá mức độ TUNN của bản thân chỉ ở mức trung bình (chiếm 32,6%), thậm chí ở mức thấp (chiếm 3,2%, điểm trung bình tìm được là 3.17 tương ứng ở mức “bình thường” trong thang đo Liker). Đây có thể là nhóm SV đã, đang và sẽ gặp khó khăn trong việc xác định tâm thế nghề nghiệp vững vàng, trong việc nắm vững nội dung học tập, việc hình thành phương pháp học tập phù hợp, việc rèn luyện kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp, việc tham gia các sinh hoạt đoàn, hội, việc thiết lập các mối quan hệ xã hội... Chính vì vậy, cần chú ý nâng cao khả năng TUNN cho nhóm SV này nhiều hơn.

Để làm rõ hơn nhận định trên, nghiên cứu khảo sát mức độ quan tâm của SV CTXH đến ngành học với câu hỏi: “Anh/ Chị quan tâm đến ngành nghề đang theo học như thế nào?”

Bảng 1. SV quan tâm đến ngành học.

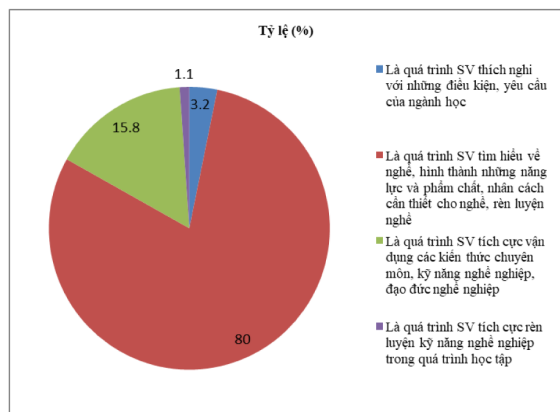
SV quan tâm đến ngành học	Số lượng (N)	Tỷ lệ (%)
Suy nghĩ về mục tiêu và định hướng nghề nghiệp trong tương lai	64	67,4
Lập ra kế hoạch rõ ràng để thực hiện mục tiêu	28	29,5
Nhận thức rõ tầm quan trọng của nghề nghiệp trong tương lai	42	44,2
Cố gắng chuẩn bị hành trang để thực hiện mục tiêu trong tương lai	53	55,8
Ý thức cao việc cần học gì và làm gì	34	35,8
Quan tâm đến cơ hội nghề nghiệp trong tương lai	50	52,6
Khác	2	2,1

Từ kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy SV CTXH có nhiều cách thức quan tâm đến ngành học, biểu hiện cụ thể là: suy nghĩ về mục tiêu và

định hướng nghề nghiệp trong tương lai (chiếm 67,4%); cố gắng chuẩn bị hành trang để thực hiện mục tiêu trong tương lai (chiếm 55,8%); quan tâm đến cơ hội nghề nghiệp trong tương lai (chiếm 52,6%); nhận thức rõ tầm quan trọng của nghề nghiệp trong tương lai (chiếm 44,2%); Ý thức cao việc cần học gì và làm gì (chiếm 35,8%); lập ra kế hoạch rõ ràng để thực hiện mục tiêu (chiếm 29,5%). Kết quả này khẳng định lại nhận định ban đầu rằng SV CTXH có nhận thức cao về khả năng TUNN của bản thân. Đây là điều đáng tự hào đối với bản thân SV, đồng thời phản ánh chất lượng đào tạo tốt của ngành CTXH Trường ĐHQN.

3.2. Nhận thức của SV CTXH Trường ĐHQN về khái niệm TUNN

TUNN không còn là khái niệm mới mẻ đối với SV nói chung và SV ngành CTXH, Trường ĐHQN nói riêng bởi đây là chủ đề nhận được nhiều quan tâm của các nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực Giáo dục học, Xã hội học, Tâm lý học..., và cũng là vấn đề thu hút sự chú ý của xã hội. Để tìm hiểu nhận thức của SV ngành CTXH về khái niệm TUNN, nghiên cứu đã đặt câu hỏi khảo sát như sau “Theo Anh/ Chị, thích ứng nghề nghiệp được hiểu như thế nào?”



Biểu đồ 2. Nhận thức của SV về khái niệm TUNN.

Kết quả khảo sát từ biểu đồ 2 cho thấy, có đến 80% SV ngành CTXH chọn phương án thứ hai là phương án đúng với khái niệm TUNN “là quá trình cá nhân tìm hiểu về nghề, hình thành những năng lực và phẩm chất, nhân cách cần thiết cho nghề, rèn luyện nghề, thâm nhập nghề

nghề nghiệp và nhân cách vào hoạt động lao động nhằm hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách phù hợp với nghề được đào tạo”. Điều này cho thấy SV ngành CTXH đã nhận thức đúng đắn và đầy đủ về khái niệm TUNN. Có thể lý giải kết quả này là do có một quá trình chuẩn bị kỹ lưỡng của SV ngành CTXH trước khi bước chân vào môi trường đại học mới mẻ, SV có sự tìm hiểu, chuẩn bị về nghề nghiệp, chủ động hòa nhập với các yêu cầu của ngành học. Lý do khác nữa là SV được cung cấp thông tin đầy đủ về ngành học cũng như hỗ trợ hòa nhập từ Nhà trường, Khoa và Bộ môn.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy vẫn còn số ít SV chọn các phương án trả lời không chính xác, không đầy đủ về khái niệm TUNN (trong đó có 15,8% SV nhận thức rằng khái niệm TUNN “là quá trình cá nhân tích cực vận dụng các kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp”; có 3,2% SV nhận thức khái niệm TUNN “là quá trình cá nhân thích nghi với những điều kiện, yêu cầu của ngành học” và có 1,1% SV cho rằng TUNN là “quá trình cá nhân tích cực rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập”. Tỷ lệ SV CTXH nhận thức không chính xác, không đầy đủ về khái niệm TUNN chỉ ở mức thấp nhưng cũng phản ánh một thực tế là vẫn còn một số SV hạn chế trong nhận thức về TUNN. Chính vì vậy, Nhà trường cần quan tâm và có nhiều biện pháp hỗ trợ SV nâng cao nhận thức về TUNN để có thể đạt hiệu quả cao hơn trong học tập.

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy có sự nhận thức khác nhau giữa nam và nữ SV về khái niệm TUNN. Theo đó, SV nữ có nhận thức đầy đủ, chính xác khái niệm TUNN cao hơn so với SV nam (có tới 81,6% SV nữ chọn phương án trả lời đúng so với 18,4% SV nam chọn phương án trả lời đúng). Ngược lại, SV nam có nhận thức chưa đầy đủ, chưa chính xác khái niệm TUNN cao hơn so với SV nữ (có tới 66,7% SV nam nhận thức khái niệm TUNN “là quá trình cá nhân thích nghi với những điều kiện, yêu cầu của ngành học” so với 33,3% SV nữ; có 53,3% SV nam nhận thức khái niệm TUNN “là quá

trình cá nhân tích cực vận dụng các kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp” so với 46,6% là SV nữ; có 100% SV nam nhận thức khái niệm TUNN “là quá trình cá nhân tích cực rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập” so với SV nữ là 0%).

3.3. Nhận thức của SV CTXH Trường ĐHQN về đặc điểm TUNN

Để làm rõ hơn nhận thức của SV CTXH về TUNN, đề tài đã tiến hành khảo sát nhận thức về đặc điểm TUNN với câu hỏi “Mức độ đồng ý của Anh/Chị về các đặc điểm TUNN sau đây?”

Bảng 2. Nhận thức của SV về đặc điểm TUNN.

Đặc điểm TUNN	Đồng ý		Phân vân		Không đồng ý	
	N	%	N	%	N	%
Sự ổn định về mặt tâm lý trong suốt quá trình học tập.	76	78,9	19	20,0	0	0,0
Sự tích cực, chủ động nắm bắt nội dung kiến thức các môn học	85	89,5	10	10,5	0	0,0
Sự tích cực hình thành các phương pháp học tập phù hợp	90	94,7	5	5,3	0	0,0
Sự tích cực, tự giác rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.	84	88,4	11	11,6	0	0,0
Sự tích cực tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	91	95,8	4	4,2	0	0,0
Sự hiệu quả trong sử dụng các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học.	78	82,1	17	17,9	0	0,0

Sự linh hoạt, chủ động xây dựng các mối quan hệ	83	87,4	12	12,6	0	0,0
Sự tích cực, chủ động tham gia các sinh hoạt đoàn, hội, CLB..., các hoạt động CTXH, thiện nguyện...	87	91,6	8	8,4	0	0,0
Sự tích cực, chủ động tham gia các hoạt động thực hành, thực tập nghề nghiệp.	92	96,8	3	3,2	0	0,0

Kết quả khảo sát nhận thức của SV ngành CTXH về đặc điểm của TUNN từ bảng 2 cho thấy, phần lớn SV đồng ý với các đặc điểm của TUNN, trong đó mức độ đồng ý cao nhất ở một số đặc điểm lên đến trên 90% (chẳng hạn, ở đặc điểm “*sự tích cực, chủ động tham gia các hoạt động thực hành, thực tập nghề nghiệp*” chiếm 96,8%; ở đặc điểm “*sự tích cực tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức nghề nghiệp*” chiếm 95,8%; ở đặc điểm “*sự tích cực hình thành các phương pháp học tập phù hợp*” chiếm 94,7%; tiếp đến là “*sự tích cực, chủ động tham gia các sinh hoạt đoàn, hội, CLB..., các hoạt động CTXH, thiện nguyện...*” chiếm 91,6%). Tiếp đến là tỷ lệ SV có mức độ đồng ý ở mức cao trên 80% (chẳng hạn, ở đặc điểm “*Sự tích cực, chủ động nắm bắt nội dung kiến thức các môn học*” chiếm 89,5%, ở đặc điểm “*Sự tích cực, tự giác rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp*” chiếm 88,7%, ở đặc điểm “*Sự linh hoạt, chủ động xây dựng các mối quan hệ*” chiếm 87,4%; ở đặc điểm “*Sự hiệu quả trong sử dụng các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học.*” chiếm 82,4%). Và cuối cùng là tỷ lệ SV có mức độ đồng ý trên 70% (chỉ có ở đặc điểm “*Sự ổn định về mặt tâm lý trong suốt quá trình học tập*” chiếm 78,9%). Điều đó cho thấy SV hiểu rõ tầm quan trọng của việc học tập tích lũy kiến thức chuyên môn, rèn luyện

kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, có phương pháp học tập hiệu quả cũng như ý thức được nghề CTXH cần tham gia tích cực các hoạt động thực hành, thực tập, các hoạt động đoàn thể, hội, CLB...; để tích lũy kinh nghiệm cho bản thân. Điểm trung bình tìm được cho nội dung nhận thức của SV CTXH về đặc điểm của TUNN là 3.66 tương ứng ở mức “đồng ý” trong thang đo Liker.

Tuy nhiên, một thực tế không thể phủ nhận khi vẫn còn một số SV ngành CTXH “phân vân” về một số đặc điểm của TUNN trong kết quả khảo sát. Chẳng hạn, có 20% SV phân vân ở đặc điểm “*Sự ổn định về mặt tâm lý trong suốt quá trình học tập*”; có 17,5% SV phân vân ở đặc điểm “*Sự hiệu quả trong sử dụng các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học.*”; có 12,6% SV phân vân ở đặc điểm “*Sự linh hoạt, chủ động xây dựng các mối quan hệ*”; và có 10,5% SV phân vân ở đặc điểm “*Sự tích cực, chủ động nắm bắt nội dung kiến thức các môn học*”. Kết quả này cho thấy có sự nhận thức còn mơ hồ, chưa rõ ràng ở một số đặc điểm TUNN của SV, mà các đặc điểm này rất quan trọng, nhất là vấn đề liên quan đến tâm lý của SV và nội dung học tập trong CTĐT ngành CTXH. Điều này cho thấy một số SV hiện đang gặp khó khăn về vấn đề tâm lý, cảm thấy lo lắng hoang mang với ngành học, chưa tìm thấy sự yêu thích, say mê ngành học, chưa chuẩn bị tâm thế vững vàng để thích nghi với môi trường học tập, sinh hoạt mới mẻ. Có một số SV còn nhầm tưởng vấn đề tâm lý không quan trọng, thậm chí không liên quan gì đến TUNN mà không nhận thức rằng việc có tâm lý ổn định trong suốt quá trình học tập sẽ giúp SV có tâm thế vững vàng khi đối mặt với những khó khăn, thách thức; có sự say mê, yêu thích và hứng thú đối với nghề nghiệp; có sự chuẩn bị đầy đủ những vấn đề cần thiết cho việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp; có sự tự tin, sẵn sàng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp. Bên cạnh đó, có một số SV chưa chủ động nắm bắt nội dung học tập trong CTĐT ở Nhà trường, chưa chú trọng đến việc tiếp nhận kiến thức các môn học; chưa lĩnh hội đầy đủ nội dung các môn

học trong CTĐT dẫn đến gặp khó khăn trong quá trình học các học phần và kết quả học tập không được như mong đợi. Điều này rất đáng lo ngại bởi nếu SV không có kiến thức chuyên môn vững vàng thì rất khó đáp ứng được các yêu cầu về mặt chuyên môn nghề nghiệp thực tế công việc sau khi tốt nghiệp. Chính vì vậy, Nhà trường cần lưu ý đến các biện pháp tăng cường nhận thức của SV ở các đặc điểm thích ứng tâm lý và nội dung học tập.

Kết quả khảo sát về mối liên hệ giữa nhận thức của SV về các đặc điểm TUNN với đặc điểm nhân khẩu – xã hội của họ cho thấy có mối tương quan giữa các yếu tố này. Chẳng hạn:

Xét về tuổi, ở đặc điểm “*sự tích cực, chủ động chiếm lĩnh nội dung kiến thức các môn học trong CTĐT*”, kết quả khảo sát cho thấy mức độ SV đồng ý với các đặc điểm TUNN tăng dần theo số tuổi của họ. Điều này đồng nghĩa với SV ở các nhóm tuổi lớn hơn thì nhận thức đúng đắn, đầy đủ hơn về đặc điểm TUNN này so với nhóm SV ở độ tuổi nhỏ hơn và ngược lại (trên 21 tuổi là 32,9%; 21 tuổi là 22,4%; 20 tuổi là 30,6%; 18 và 19 tuổi cùng là 7,1%). Điều này có thể giải thích SV ở các tuổi từ 20 trở lên đã làm quen với việc học tập, có khả năng lĩnh hội nội dung kiến thức tốt hơn, đầy đủ hơn so với SV ở các tuổi từ 20 trở xuống vốn chỉ mới bắt đầu làm quen với việc học tập với nhiều khối kiến thức mới mẻ.

Xét về năm học, ở đặc điểm “*sự tích cực, tự giác rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập ở Nhà trường*” có sự khác nhau về nhận thức ở SV của các năm học, theo đó SV năm 1, 2 có sự nhận thức mơ hồ, chưa đầy đủ so với SV năm 3, 4 (SV chọn phương án phân vân lần lượt là 54,5% (năm 1), 31,4% (năm 2), 9,1% (năm 3) và 0% (năm 4). Điều này có thể giải thích SV năm 1, 2 mới bắt đầu làm quen với các môn học chuyên ngành, chưa có nhiều cơ hội rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Trong khi đó SV năm 3, 4 phần đông đã học chuyên ngành sâu và tham gia nhiều hoạt động thực tế, thực hành, thực tập chuyên môn; và đó chính là môi trường để SV có cơ hội rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

3.4. Nhận thức của SV CTXH Trường ĐHQN về biểu hiện TUNN

Trên cơ sở nghiên cứu nhận thức về đặc điểm TUNN của SV, đề tài tiến hành khảo sát nhận thức về biểu hiện TUNN thông qua câu hỏi “Anh/ Chị, mức độ quan trọng của các biểu hiện TUNN như thế nào?”

Bảng 3. Nhận thức của SV về biểu hiện TUNN.

Biểu hiện TUNN	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Ít quan trọng
Thích ứng với tâm thế nghề nghiệp: SV tích cực tìm hiểu nghề, yêu cầu nghề, tình yêu, thái độ, hứng thú nghề nghiệp	61 (64,2%)	33 (34,7%)	1 (1,1%)	0 (0,0%)
Thích ứng với nội dung học tập: SV tích cực, chủ động chiếm lĩnh nội dung kiến thức các môn học trong CTĐT	54 (56,8%)	38 (40%)	3 (3,2%)	0 (0,0%)
Thích ứng với phương pháp dạy và: SV hình thành phương pháp học tập phù hợp với bản thân và với việc học tập ở Nhà trường	46 (48,4%)	46 (48,4%)	3 (3,2%)	0 (0,0%)

Thích ứng với kỹ năng nghề nghiệp: SV tích cực, tự giác rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp tương ứng	70 (73,7%)	24 (25,3%)	1 (1,1%)	0 (0,0%)
Thích ứng với đạo đức nghề nghiệp: SV tích cực, tự giác rèn luyện nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	67 (70,5%)	25 (26,3%)	3 (3,2%)	0 (0,0%)
Thích ứng với điều kiện, phương tiện học tập: SV khắc phục khó khăn, sử dụng hiệu quả các điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện dạy học	33 (34,7%)	45 (47,4%)	16 (16,8%)	1 (1,1%)
Thích ứng với các mối quan hệ: SV xây dựng mối quan hệ với cán bộ, giảng viên, bạn bè...	41 (43,2%)	40 (42,1%)	14 (14,7%)	0 (0,0%)

Thích ứng với sinh hoạt đoàn thể, hội, CLB và hoạt động CTXH: SV hòa nhập cộng đồng bằng các sinh hoạt đoàn thể, hội..., hoạt động CTXH...	38 (40%)	40 (42,1%)	16 (16,8%)	1 (1,1%)
Thích ứng với hoạt động thực hành, thực tập: SV tích cực, chủ động tham gia các hoạt động thực hành, thực tập	66 (69,5%)	27 (29,4%)	2 (2,1%)	0 (0,0%)

Kết quả khảo sát từ bảng 3 cho thấy SV ngành CTXH có nhận thức khá rõ ràng, cụ thể về các biểu hiện của TUNN khi hầu hết SV nhận thức ở mức độ “rất quan trọng” và “quan trọng” cho tất cả các biểu hiện của TUNN. Phân tích từ tỷ lệ % cho thấy ở một số biểu hiện như: “*Thích ứng với việc luyện kỹ năng nghề nghiệp: SV tích cực, tự giác rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp tương ứng*” (rất quan trọng chiếm 73,7%, quan trọng chiếm 25,3%, điểm trung bình tìm được là 4,71 tương ứng ở mức “rất quan trọng” trong thang đo Liker); “*Thích ứng với rèn luyện đạo đức nghề nghiệp: SV tích cực, tự giác rèn luyện nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp*” (rất quan trọng chiếm 70,5%, quan trọng chiếm 26,3%, điểm trung bình tìm được là 3,89 tương ứng ở mức “quan trọng” trong thang đo Liker); “*Thích ứng với hoạt động thực hành, thực tập nghề nghiệp: SV tích cực, chủ động tham gia các hoạt động thực hành, thực tập trong quá trình học tập*” (rất quan trọng chiếm 69,5%, quan trọng chiếm 29,4%, điểm trung bình tìm được

là 4,67 tương ứng ở mức “rất quan trọng” trong thang đo Liker); “*Thích ứng thể hiện ở tâm thế nghề nghiệp: SV tích cực tìm hiểu nghề, yêu cầu của nghề, tình yêu, thái độ, hứng thú với nghề nghiệp*” (rất quan trọng chiếm 64,2%, quan trọng chiếm 34,7%, điểm trung bình tìm được là 4,62 tương ứng ở mức “rất quan trọng” trong thang đo Liker); “*Thích ứng thể hiện ở nội dung học tập ở Nhà trường: SV tích cực, chủ động chiếm lĩnh nội dung kiến thức các môn học trong CTĐT*” (rất quan trọng chiếm 56,8%, quan trọng chiếm 40%, điểm trung bình tìm được là 4,54 tương ứng ở mức “rất quan trọng” trong thang đo Liker). Kết quả này cũng dễ lý giải bởi những biểu hiện TUNN về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp... cũng là những yêu cầu mà SV học ngành CTXH cần phải tích lũy để có thể đạt được mục tiêu tốt nghiệp cử nhân ngành CTXH. Việc SV có nhận thức ở mức cao các biểu hiện này là tín hiệu đáng mừng cho thấy SV có sự hiểu biết nhất định về ngành học, có tâm thế chuẩn bị nghề nghiệp, xác định rõ những điều kiện, yêu cầu của ngành học để đáp ứng tốt. SV nhận biết được tầm quan trọng của việc tích lũy kiến thức và vận dụng vào trong hoạt động nghề nghiệp sau này; ý thức rõ ngành CTXH vừa là một ngành vừa là một nghề nên đòi hỏi người học phải thành thực về mặt kỹ năng, trong đó có kỹ năng chung như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm... và các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng vấn đàm thoại, kỹ năng truyền thông, kỹ năng huy động nguồn lực... để thực hiện hoạt động nghề nghiệp hiệu quả. Hơn nữa, ngành CTXH làm việc trực tiếp với con người, đó là những nhóm yếu thế trong xã hội, vì thế SV cần rèn luyện tích cực về đạo đức nghề nghiệp, hiểu và tuân thủ đúng quy điều đạo đức nghề nghiệp để không làm tổn thương thân chủ trong quá trình trợ giúp.

Bên cạnh những kết quả tích cực trong nhận thức của SV về một số biểu hiện của TUNN nói trên, nghiên cứu còn chỉ ra có một số ít SV nhận thức chưa rõ ràng, chưa cụ thể về một số biểu hiện của TUNN khi đánh giá tầm quan trọng ở mức trung bình, thậm chí là ít quan trọng.

Phân tích từ tỷ lệ % cho thấy ở một số biểu hiện như: “Thích ứng với điều kiện, phương tiện học tập: SV khắc phục khó khăn, sử dụng hiệu quả các điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học trong quá trình học tập” và “Thích ứng với sinh hoạt đoàn thể, hội, CLB và các hoạt động CTXH: SV hòa nhập cộng đồng bằng các sinh hoạt đoàn thể, hội..., các hoạt động CTXH...” (bình thường chiếm 16,8%, ít quan trọng chiếm 1,1%, điểm trung bình tìm được là 2,57 tương ứng ở mức “không quan trọng” trong thang đo Likert); “Thích ứng với các mối quan hệ ở trường và xã hội: SV xây dựng mối quan hệ với cán bộ, giảng viên, bạn bè...” (bình thường chiếm 14,7%, điểm trung bình tìm được là 2,58 tương ứng ở mức “không quan trọng” trong thang đo Likert). Có thể nhận định rằng SV chưa hiểu rõ, chưa nhận thức đầy đủ các biểu hiện TUNN trên bởi đó là các biểu hiện SV thích ứng chủ yếu phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh, nhu cầu của mỗi SV. Một số SV chưa thấy cần thiết, số khác chưa có điều kiện để tham gia. Tuy nhiên, điều này cho thấy SV còn chủ quan, thiếu hiểu biết về biểu hiện của TUNN khi cho rằng các biểu hiện này không quan trọng, không cần quan tâm, không cần thích ứng. Thực tế, nếu SV nào sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy và học trong quá trình học tập như sử dụng máy tính cho việc học tập lý thuyết, thực tập, thực hành, soạn thảo các loại văn bản...; sử dụng ti vi, máy chiếu cho các hoạt động thuyết trình, báo cáo...; sử dụng các đồ dùng thực hành nghề như phòng tham vấn, máy ghi âm, ghi hình, tranh ảnh, đồ vật...; thích ứng với các điều kiện lớp học: không gian lớp học, bàn ghế, ánh sáng, vệ sinh... có khả năng đạt thành tích học tập tốt hơn. Ngoài ra, việc tham gia tích cực vào các sinh hoạt đoàn thể, hội (sinh hoạt Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, Hiến máu nhân đạo, chiến dịch tình nguyện, các câu lạc bộ...) và các hoạt động CTXH, thiện nguyện sẽ giúp SV tích lũy kinh nghiệm thực tế, có kỹ năng tốt hỗ trợ cho hoạt động nghề nghiệp sau này. Ngoài ra, việc thiết lập mạng lưới xã hội rất cần thiết đối với SV ngành CTXH. Những SV còn thiếu chủ động, thiếu linh hoạt trong xây dựng

các mối quan hệ trong Nhà trường (với thầy cô giáo, cố vấn học tập, bạn bè, cán bộ nhân viên...) và ngoài xã hội (thân chủ, nhân viên CTXH...) sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình học tập ở Nhà trường cũng như tham gia thực hành, thực tập ở cơ quan, tổ chức, cơ sở xã hội, thậm chí ảnh hưởng đến cơ hội tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

3.5. Nhận thức của SV CTXH Trường ĐHQN về nguyên nhân chưa TUNN

Tìm hiểu nhận thức của SV về nguyên nhân SV chưa TUNN rất quan trọng để có cơ sở nhận định, đánh giá một cách chính xác các nguyên nhân chủ quan hay khách quan nào khiến SV chưa TUNN, và từ đó định hướng các biện pháp giúp SV tăng cường khả năng TUNN.

Bảng 4. Nhận thức về nguyên nhân SV chưa TUNN.

Nguyên nhân chủ quan	Số lượng (N)	Tỷ lệ (%)
SV chưa nhận thức được tầm quan trọng của TUNN	62	65,3
SV chưa có tâm thế TUNN	40	42,1
SV chưa có biện pháp cụ thể để lĩnh hội kiến thức các môn học trong chương trình đào tạo	41	43,2
SV chưa có biện pháp cụ thể để hình thành phương pháp học tập phù hợp	39	41,1
SV chưa có biện pháp cụ thể để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp	45	47,4
SV chưa sử dụng hiệu quả điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học	16	16,8
SV thiếu các mối quan hệ trong và ngoài Nhà trường	30	31,6
SV chưa nhận thức tầm quan trọng của đoàn, hội, CLB, hoạt động CTXH...	29	30,5
SV chưa quen với các hoạt động thực hành, thực tập	25	26,3
Khác	1	1,1

Nguyên nhân khách quan		
Nhà trường chưa có biện pháp giáo dục tâm thể TUNN cho SV	36	38,3
Nội dung chương trình đào tạo nặng về lý thuyết, ít chú trọng thực hành, thực tập	56	59,6
Phương pháp dạy và học ở Nhà trường còn mang tính truyền thống, ít đổi mới	28	29,8
Nhà trường ít quan tâm đến SV trong quá trình học	14	14,9
Nhà trường ít cải tiến môi trường, điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học	14	14,9
Quy chế, quy định, chính sách của Nhà trường còn ít, chưa rõ ràng	13	13,8
Ít các tổ chức đoàn, hội, CLB, các hoạt động CTXH ở Nhà trường	16	17,0
Ít các hoạt động thực hành, thực tập nghề nghiệp	32	34,0
Thiếu gắn kết giữa nhà trường với các cơ sở thực tập	18	19,1
Khác	7	7,4

Kết quả khảo sát từ bảng 4 cho thấy, phần lớn SV có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về các nguyên nhân khiến họ chưa TUNN, trong đó nhóm nguyên nhân chủ quan từ chính bản thân SV và nhóm nguyên nhân khách quan thuộc về phía cơ sở đào tạo.

Đối với nhóm nguyên nhân chủ quan, phần lớn SV cho rằng việc chưa TUNN là do chưa nhận thức được tầm quan trọng của TUNN chiếm tỷ lệ cao nhất là 65,3%; tiếp đến là do SV chưa có biện pháp cụ thể để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp (chiếm 47,4%); tiếp đến do SV chưa có biện pháp cụ thể để lĩnh hội kiến thức các môn học trong chương trình đào tạo (chiếm 43,2%); tiếp đến do SV chưa có biện pháp cụ thể để hình thành phương pháp học tập phù hợp (chiếm 41,1%). Kết quả này một lần nữa cho

thấy SV còn mơ hồ trong nhận thức về các biểu hiện TUNN như tâm thế nghề nghiệp, nội dung học tập, phương pháp học tập và kỹ năng nghề nghiệp. Vì vậy, SV phải có ý thức tự rèn luyện, tự nâng cao nhận thức và tự tìm ra biện pháp TUNN hiệu quả nhất cho bản thân.

Đối với nhóm nguyên nhân khách quan, đa số SV cho rằng nguyên nhân do nội dung CTĐT nặng về lý thuyết, ít chú trọng thực hành, thực tập là quan trọng nhất (chiếm đến 59,6%); do ít các hoạt động thực hành, thực tập nghề nghiệp (chiếm 34%). Đây là hai nguyên nhân rất quan trọng liên quan đến CTĐT ngành CTXH hiện nay. Trên thực tế, Trường ĐHQN vẫn thường xuyên cập nhật chương trình đào tạo ngành CTXH theo đúng quy định là 2 năm một lần theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. CTĐT cập nhật mới đều dựa trên những ý kiến đánh giá của các bên liên quan bao gồm nhà tuyển dụng lao động, cựu người học, người học và giảng viên. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, có thể nhận thấy CTĐT vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của người học ở khối kiến thức chuyên sâu và thực hành, thực tập. Nhận định này của SV là cơ sở để ngành CTXH Trường ĐHQN tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu còn chỉ ra một nguyên nhân khách quan đáng lưu ý khiến SV chưa TUNN đó là do Nhà trường chưa có biện pháp giáo dục tâm thể TUNN cho SV (chiếm 38,3%). Nhận định này cũng là cơ sở để Nhà trường chú trọng triển khai các biện pháp hỗ trợ SV thích ứng với biểu hiện tâm thể nghề nghiệp. Trên thực tế, Nhà trường đã và đang triển khai những biện pháp hỗ trợ SV TUNN trong học tập; nghiên cứu khoa học, thực tập thực hành, sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học...; đồng thời triển khai các hoạt động thiết thực như gặp gỡ SV đầu khóa, giao lưu chia sẻ kinh nghiệm học tập, ngày hội việc làm... để SV có cơ hội tìm hiểu về nghề nghiệp, có định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Tuy nhiên, những biện pháp này còn chưa đồng bộ, chưa đi sâu vào biểu hiện tâm thể nghề nghiệp. Nhà trường chưa chú trọng đến các hoạt

động truyền thông nâng cao nhận thức TUNN cho SV, ít tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng cho SV, nếu có thì cũng còn ít và đơn điệu, chưa thu hút được SV quan tâm, chưa đưa vào yêu cầu bắt buộc đối với SV tham gia. Trên thực tế, việc trang bị kiến thức, kỹ năng cho SV liên quan đến cơ hội tăng khả năng TUNN của họ.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Tăng cường nhận thức TUNN cho SV ngành CTXH, Trường ĐHQN là việc làm cấp thiết, góp phần đào tạo đội ngũ nhân viên CTXH chuyên nghiệp, đáp ứng được mục tiêu của ngành học là “đào tạo cử nhân CTXH có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có hệ thống kiến thức cơ bản, cơ sở chuyên ngành; có kỹ năng, nghiệp vụ thành thạo để thực hành nghề CTXH trong các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể quần chúng, các cơ sở xã hội, trung tâm tư vấn... và trong nhiều lĩnh vực lao động thương binh và xã hội, gia đình, y tế, giáo dục, truyền thông...; có khả năng thích nghi với nhiều môi trường làm việc khác nhau”. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng SV CTXH hiện có nhận thức về TUNN khá đúng đắn, đầy đủ và ở mức cao, bao gồm tầm quan trọng của TUNN, khái niệm TUNN, đặc điểm của TUNN, biểu hiện của TUNN và nguyên nhân SV chưa TUNN. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy vẫn còn một số ít SV còn nhận thức mơ hồ, chưa rõ ràng, đầy đủ về TUNN, trong đó chủ yếu ở các biểu hiện về tâm thế nghề nghiệp, nội dung kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phương pháp học tập... Có sự khác nhau về giới tính, tuổi và năm học giữa các SV trong nhận thức về TUNN.

Từ kết quả nghiên cứu nhận thức TUNN của SV ngành CTXH Trường ĐHQN, đề tài đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao nhận thức của SV về TUNN như sau:

Kiến nghị về mặt thực tiễn:

Đối với SV CTXH, Trường ĐHQN:

SV cần nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn về vai trò quan trọng của TUNN, khái niệm TUNN, đặc điểm TUNN, biểu hiện TUNN và

nguyên nhân SV chưa TUNN để có chuẩn bị tâm thế nghề nghiệp tốt hơn, có thể đạt mục tiêu đạt hiệu quả cao trong học tập và có nhiều cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

SV cần quan tâm hơn đến ngành nghề mình đang học, chủ động tìm hiểu thông tin nghề nghiệp, các yêu cầu của nghề nghiệp, luôn thể hiện sự say mê, yêu thích và hứng thú đối với nghề nghiệp có tâm lý vững vàng để thực hiện các yêu cầu của nghề nghiệp

SV tích cực, chủ động nắm bắt đầy đủ nội dung kiến thức trong CTĐT; hình thành các phương pháp học tập phù hợp; tự giác rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, trong đó có cả kỹ năng chung và kỹ năng chuyên môn; tu dưỡng, rèn luyện những yêu cầu có tinh thần trách nhiệm với các hoạt động nghề nghiệp CTXH; biết khắc phục khó khăn, sử dụng hiệu quả thiết bị dạy và học; linh hoạt, chủ động xây dựng mối quan hệ bên trong và ngoài Nhà trường; tích cực, chủ động tham gia sinh hoạt đoàn, hội, câu lạc bộ...; gia tăng hoạt động thực tập nhận thức nghề nghiệp, thực tập nghề nghiệp...

Đối với Nhà trường:

Nhà trường cần tăng cường các biện pháp nâng cao nhận thức cho SV về TUNN, trong đó chú trọng đến nhận thức về tâm thế nghề nghiệp, nội dung kiến thức, phương pháp học tập... để giúp SV có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về TUNN, từ đó có thể học tập hiệu quả hơn.

Nhà trường cần mở thêm các khóa tập huấn kỹ năng phù hợp với nhu cầu nghề nghiệp của SV, trong đó chú trọng tăng cường trang bị các kỹ năng chung như kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, soạn thảo văn bản... nhằm giúp SV hoàn thiện hệ thống kỹ năng nghề nghiệp, chuẩn bị hành trang nghề nghiệp trong tương lai.

Kiến nghị về mặt khoa học:

Về khách thể nghiên cứu: đề tài mới chỉ tiến hành nghiên cứu trên nhóm khách thể là SV ngành CTXH. Nghiên cứu tiếp theo cần được quan tâm nhiều hơn ở nhóm khách thể là SV khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, rộng hơn nữa là SV Trường ĐHQN.

Về nội dung nghiên cứu: đề tài chỉ mới nghiên cứu ở phạm vi nội dung là nhận thức của SV về TUNN. Nghiên cứu tiếp theo cần được mở rộng ở nội dung các hành vi biểu hiện TUNN và các yếu tố ảnh hưởng đến TUNN của SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. N. T. Hoa. *Đánh giá mức độ thích ứng nghề nghiệp của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Sơn La*, luận văn tốt nghiệp Quản lý giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội - Trung tâm đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển giáo dục, 2009.
2. N. T. K. Dung, Đ. T. Thuận. Tiêu chí đánh giá thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, **2017**, 62(1A), 200-206.
3. N. V. Quang, T. C. V. Long. Một số biện pháp nâng cao khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên, *Tạp chí Khoa học và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Huế*, **2011**, 03(19), 116-123.
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. *Thông tư số 01/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 02 năm 2017: Quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm CTXH*, 2017.
5. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. *Thông tư số 34/2010/TT-BLĐTBXH ngày 8 tháng 11 năm 2010 về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức CTXH đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức CTXH*, 2010.